

Bản án số 06/2020/HC-PT

Ngày 05/11/2020

Về “*Khiếu kiện các quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự, ông Nguyễn Văn Tào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước T - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 207/TLPT-HC ngày 27/7/2020 về “*Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2020/HC-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2020/QĐ-PT ngày 19/10/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị T, sinh năm 1957; địa chỉ: 197 đường Tây S, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

2.2. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền số 18/GUQ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định là ông Trần Châu (Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.3. Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định;

2.4. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo văn bản ủy quyền số 20/GUQ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q là ông Nguyễn Công Vịnh (Phó Chủ tịch UBND thành phố Q) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Người đại diện theo văn bản ủy quyền số 04/GUQ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND phường G là ông Vũ Như H (Phó Chủ tịch UBND phường G) vắng mặt.

3.2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định. Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 10/10/2019 của Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q là ông Đặng Phan Tiến D (Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q) vắng mặt.

3.3. Ông Lê Văn S, sinh năm 1985, có mặt;

- 3.4. Ông Lê Văn H, sinh năm 1975, có mặt;
- 3.5. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1973, có mặt;
- 3.6. Ông Lê Văn C, sinh năm 1965, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- 3.7. Ông Lê M T, sinh năm 1969, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- 3.8. Bà Lê Thị C, sinh năm 1971, có mặt;
- 3.9. Ông Lê Văn T, sinh năm 1954, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- 3.10. Ông Lê Công M, sinh năm 1968, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- 3.11. Ông Lê Văn X, sinh năm 1972, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- 3.12. Bà Đặng Thị Thu T sinh năm 1984 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- 3.13. Ông Lê C (chết);
- 3.14. Bà Thái Thị L (chết);

Cùng địa chỉ: 197 Tây S, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.15. Công ty cổ phần tập đoàn H (tên cũ là Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh địa ốc H); địa chỉ: Tp.Hồ Chí Minh. Người đại diện là ông Nguyễn Đình T (Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị). Người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Mai H; địa chỉ: Khu vực 3, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

4. Người kháng cáo, kháng nghị:

Bà Lê Thị T (người khởi kiện) kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2019 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Lê Thị T trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số 104, tờ bản đồ số 10, diện tích (bà T không nhớ rõ) tọa lạc tại phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định là của ông bà nội bà T là vợ chồng cố Lê T1, cố Lê Thị H tạo lập; sau giải phóng, bị thu hồi đưa vào Hợp tác xã nhưng sau được trả lại cho ông bà nội của bà T. Sau khi chết, ông bà nội của bà T cho cha mẹ của bà T là cụ Lê C và cụ Thái Thị L sử dụng. C mẹ chết để lại cho các Ông Bà diện tích đất 933,7m² và năm 2004 các Ông Bà chia đất cho nhau sử dụng, bà T được chia 85m². Các Ông Bà đổ đất nâng nền làm nhà, nhưng UBND không cho phép xây dựng và sau đó ban hành quyết định thu hồi đất làm hồ sinh thái, tuy nhiên sau lại giao cho Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh địa ốc H (viết tắt là Công ty H) phân lô bán nền.

Ngày 01/8/2019 Công ty H phối hợp cùng UBND thành phố Q tiến hành cưỡng chế thu hồi đất với giá 58.000đ/m² mà không thỏa thuận về giá đền bù với các Ông Bà là quá thấp và cũng không bố trí đất tái định cư cho các Ông Bà. Vì vậy, nay các Ông Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 7595/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 (Quyết định 4178/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 điều chỉnh một phần Quyết định 7595/QĐ-UBND) của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất; hủy Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 (Quyết định 4519/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 điều chỉnh một phần Quyết định 612/QĐ-UBND) của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2745/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4019/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, đồng thời yêu cầu Tòa án buộc

UBND thành phố Q cấp đất tái định cư tương ứng diện tích đất thu hồi cho các Ông Bà.

- *Người bị kiện là UBND tỉnh Bình Định và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định do ông Phan Cao Thắng (Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định) trình bày:*

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: UBND phường G xác nhận thửa đất bà T đại diện khiếu nại có nguồn gốc do cha bà T là cụ Lê C sử dụng trước năm 1975; hồ sơ kỹ thuật đo năm 2001 thuộc thửa đất số 104, tờ bản đồ số 10, diện tích cả thửa 933,7m², chủ sử dụng là ông Lê C; hồ sơ đo đạc năm 2012 diện tích cả thửa là 908,6m². Tại thời điểm kê khai năm 2013 để thực hiện thu hồi đất có 12 hộ kê khai, trong đó có bà Lê Thị T, gồm: Lê C (cha), Lê Thị T, Lê Văn S, Lê Văn H, Lê Thị Thu H, Lê Văn C, Lê M T, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Công M, Lê Văn X, Đặng Thị Thu T. Bà T cung cấp giấy tờ photo gồm: *Văn khế bán đất ruộng* và *Di chúc* lập năm 2004 của ông Lê C, không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trên đất không có cây cối, không có nhà ở mà là đất trống, giữa các hộ không có ranh giới sử dụng đất.

Về việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và kết quả giải quyết khiếu nại thì ngày 06/11/2014, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 7595 v/v thu hồi 908,60m² đất thuộc toàn phần thửa đất số 104; phương án giá trị bồi thường, hỗ trợ được UBND thành phố Q phê duyệt tại Quyết định số 7588/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 là 215.354.800 đồng, cụ thể:

+ Bồi thường đất nông nghiệp diện tích 908,6m², đơn giá 58.000đồng/m² thành tiền 52.698.800đ.

+ Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường (40% giá trị ở liền kề) diện tích hỗ trợ bằng 05 lần hạn mức giao đất ở (400m²), đơn giá 406.640đ/m² thành tiền 162.656.000 đồng.

+ *Hộ gia đình ông Lê C không đủ điều kiện được xem xét giao đất tái định cư.*

Không được giao đất tái định cư, bà Lê Thị T đại diện hộ gia đình khiếu nại yêu cầu UBND thành phố Q giao cho mỗi Ông Bà một lô đất tái định cư. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2745 ngày 08/5/2018, Chủ tịch UBND thành phố Q không chấp nhận khiếu nại của bà T. Bà T khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 4019 ngày 15/11/2018 không chấp nhận khiếu nại của bà T. UBND tỉnh Bình Định và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định cho rằng đất hộ gia đình bà T bị thu hồi là đất nông nghiệp, trên đất không có nhà nên theo quy định tại Điều 30 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định thì không được bố trí đất tái định cư.

- *Người bị kiện là UBND thành phố Q, Chủ tịch UBND thành phố Q do đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Công V (Phó Chủ tịch UBND thành phố Q) trình bày:* Hồ sơ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu dân cư H thể hiện hộ gia đình ông Lê C (các con, cháu: Lê Văn S, Lê Văn H, Lê Thị Thu H, Lê Thị T, Lê Văn C, Lê M T, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Công M, Lê Văn X, Đặng Thị Thu T) có đất bị ảnh hưởng tại thửa số 104, tờ bản đồ số 10, diện tích đo vẽ thực tế ban đầu là 908,6m².

+ Về nguồn gốc đất UBND phường G xác nhận như sau: Bản đồ 299 Hợp tác xã nông nghiệp phường Q và Bản đồ địa chính năm 2001 đều ghi là đất màu. Nguồn gốc đất do ông Lê Cần trồng hoa màu trước năm 1975 để lại cho ông Lê C sử dụng. Hiện trạng thu hồi là đất trống.

+ Về bồi thường, hỗ trợ: Phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 7588/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 thì *hộ gia đình ông Lê C* (các con, cháu: Lê Văn S, Lê Văn H, Lê Thị Thu H, Lê Thị T, Lê Văn C, Lê M T, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Công M, Lê Văn X, Đặng Thị Thu T) được bồi thường, hỗ trợ như sau: Bồi thường đất nông nghiệp diện tích $908,6m^2$, đơn giá 58.000 đồng/ m^2 ; Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường mức 40% giá đất ở liền kề, diện tích $400m^2$ (bằng 05 lần hạn mức giao đất ở), đơn giá 406.640 đồng/ m^2 ($40\% \times 1.016.600$ đồng/ m^2). Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là $215.354.800$ đồng. Sau đó, hộ gia đình bà T có đơn kiến nghị đo đạc thiếu diện tích nên Tổ công tác giải phóng mặt bằng kiểm tra thực tế ranh giới so với hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo vẽ năm 2001 thì không có sự thay đổi về ranh giới, hình thể, kích thước. UBND phường G đề nghị xem xét tính bồi thường theo diện tích đo vẽ năm 2001 nên tại Phương án bồi thường, hỗ trợ phê duyệt tại Quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 04/7/2019, UBND thành phố tính bồi thường, hỗ trợ bổ sung thêm diện tích $25,1m^2$ ($933,7m^2 - 908,6m^2$), với số tiền bổ sung là $1.455.800$ đồng.

+ Về tái định cư: Đất thu hồi của hộ gia đình ông Lê C là đất nông nghiệp, tại thời điểm thu hồi đất trống không có nhà ở nên không đủ điều kiện xét giao đất tái định cư theo quy định tại Điều 30 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định. Theo Văn bản số 4725/UBND-KT ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao đất tái định cư cho các trường hợp có đất nông nghiệp, lâm nghiệp bị thu hồi diện tích lớn (từ $950m^2$ trở lên) tại dự án Khu dân cư H và đường C (nối dài) thì trường hợp của hộ gia đình ông Lê C cũng không đủ điều kiện giao đất tái định cư. Không đồng ý với việc đền bù trên bà T (đại diện cho hộ gia đình) khiếu nại đến UBND thành phố Q. Trên cơ sở kết quả xác minh hồ sơ, đề xuất của Chánh Thanh tra tại Báo cáo số 72/BC-TTr ngày 19/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố đã tổ chức đối thoại và ban hành Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T như sau: *“Không công nhận nội dung đơn của bà Lê Thị T đề nghị giao hoặc bán đất tái định cư cho hộ gia đình ông Lê C do ảnh hưởng dự án Khu dân cư H, vì: Đất thu hồi của hộ gia đình ông Lê C là đất nông nghiệp, không đủ điều kiện bồi thường đất ở, tại thời điểm thu hồi là đất trống không có nhà ở. Nên không đủ điều kiện giao đất tái định cư theo quy định tại Điều 30 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh và chính sách áp dụng chung trong dự án này”*. Căn cứ để ban hành các Quyết định 7595, Quyết định 4178 là căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 7588/QĐ-UBND ngày 06/11/2014. Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tại Tờ trình số 251/TTr-TTPTQĐ ngày 10/10/2014 và đề nghị của Phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố tại Tờ trình số 373/TTr-TNMT ngày 03/11/2014 nên ngày 06/11/2014, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 7595/QĐ-UBND về việc *“thu hồi diện tích $908,6m^2$ đất nông nghiệp thuộc toàn phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 10”* của hộ ông Lê C để thực hiện dự án xây

dựng khu tái định cư phục vụ dự án Khu dân cư H, phường G, thành phố Q. Sau đó, căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 về việc tính bồi thường, hỗ trợ bổ sung thêm diện tích 25,1m². Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tại Tờ trình số 301/TTr-TTPTQĐ ngày 24/6/2019 thì ngày 04/7/2019, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4178/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung Quyết định thu hồi đất số 7595/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của *hộ ông Lê C* để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư H từ: “*thu hồi 908,6m² đất nông nghiệp thuộc toàn phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 10*”, điều chỉnh thành: “*thu hồi 933,7m² đất nông nghiệp, thuộc toàn phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 10*”.

Căn cứ ban hành QĐ 612, 4519 dựa vào Phương án bồi thường, hỗ trợ UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 7588/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 và Quyết định thu hồi đất số 7595/QĐ-UBND ngày 06/11/2014. Ngày 05/01/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố có thông báo số 09/TB-TTPTQĐ về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, giao trả mặt bằng cho nhà nước để thực hiện dự án Khu dân cư H. Ngày 16/10/2017, UBND phường G phối hợp với UBMT TQVN phường và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tổ chức vận động thuyết phục *hộ ông Lê C* nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và giao trả mặt bằng cho nhà nước để thực hiện dự án tuy nhiên hộ không đồng ý. UBND phường có báo cáo số 03/BC-UBND ngày 05/01/2018 báo cáo kết quả tuyên truyền, vận động một số hộ dân liên quan đến dự án Khu dân cư H tại phường G, thành phố Q. Ngày 12/01/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố có văn bản số 06/BC-TTPTQĐ về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng GPMB dự án: Khu dân cư H, phường G, thành phố Q. Căn cứ Khoản 2 Điều 11 T1 tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 về việc “*cưỡng chế thu hồi đất diện tích 908m² tại toàn phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 10 thuộc phường G, thành phố Q*” đối với *hộ ông Lê C* để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu dân cư H, phường G. Sau đó, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4178/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 về việc điều chỉnh nội dung Quyết định thu hồi đất số 7595/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND thành phố. Ngày 09/7/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố có thông báo số 292/TB-TTPTQĐ về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, giao trả mặt bằng cho Nhà nước để thực hiện dự án Khu dân cư H. Ngày 09/7/2019, UBND phường G phối hợp với UBMTTQVN phường và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tổ chức vận động *hộ ông Lê C* nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và giao trả mặt bằng cho Nhà nước để thực hiện dự án tuy nhiên hộ không đồng ý. UBND phường có báo cáo số 115/BC-UBND ngày 09/7/2019 báo cáo kết quả tuyên truyền, vận động hộ ông Lê C (chết) - đồng các con ủy quyền cho bà Lê Thị T liên quan đến dự án Khu dân cư H tại phường G, thành phố Q. Xét đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tại Tờ trình số 342/TTr-TTPTQĐ ngày 9/7/2019 và đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại tờ trình số 439/TTr-TNMT ngày 16/7/2019; Ngày 18/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 4519/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 612/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của

Chủ tịch UBND thành phố từ: “*cưỡng chế thu hồi đất với diện tích 908,6m² tại toàn phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số chế thu hồi đất với diện tích 933,7m² tại toàn phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 10 thuộc phường G, thành phố Q*”. Từ những nội dung nêu trên, UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố Q nhận thấy việc thu hồi đất của *hộ gia đình ông Lê C* trong dự án Khu dân cư H đã thực hiện đúng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định; QĐ 7595; QĐ 4178; QĐ 612; QĐ 4519; QĐ 2745 được ban hành là đúng quy định; việc bà Lê Thị T (đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình ông Lê C) yêu cầu hủy bỏ các Quyết định nêu trên là không có cơ sở.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q* thống nhất với trình bày của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định; UBND tỉnh Bình Định; Chủ tịch UBND thành phố Q và UBND thành phố Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện UBND phường G* thống nhất với trình bày của người bị kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần tập đoàn H* trình bày: Dự án khu dân cư H, phường G, thành phố Q được UBND tỉnh Bình Định đồng ý chủ trương giao Công ty cổ phần tập đoàn H là chủ đầu tư thực hiện tại Văn bản số 1722/UBND-KTN ngày 08/6/2011; phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09/01/2012; phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 tại các Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 03/7/2013; Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 với mục tiêu quy hoạch xây dựng khu dân cư hiện đại, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, kết hợp với chỉnh trang đô thị gắn liền với kiến trúc cảnh quan với khu vực xung quanh, làm cơ sở để quản lý quy hoạch xây dựng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Tập đoàn H - chủ đầu tư dự án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn S, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Thu H, ông Lê Văn C, ông Lê M T, bà Lê Thị C, ông Lê Văn T, ông Lê Công M, ông Lê Văn X, bà Đặng Thị Thu T* thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà T.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2020/HC-ST ngày 09/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ vào quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; T1 tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình khu dân cư H, phường G, thành phố Q (Đợt 18) được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thông qua ngày 25/7/2014; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại năm 2011; T1 tư số 07/2013/TT-TTCT ngày

31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; T1 tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Thanh tra chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của T1 tư 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013. Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7595/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ ông, bà C: Lê C, các con Lê Văn S, Lê Văn H, Lê Thị Thu H, Lê Thị T, Lê Văn C, Lê M T, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Công M, Lê Văn X, Đặng Thị Thu T để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư H, Tp. Q; Quyết định số 4178/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND thành phố Q về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 7595/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND thành phố Q; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông, bà C: Lê C, các con Lê Văn S, Lê Văn H, Lê Thị Thu H, Lê Thị T, Lê Văn C, Lê M T, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Công M, Lê Văn X, Đặng Thị Thu T để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư H, phường G, Tp. Q; Quyết định số 4519/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông, bà C: Lê C, các con Lê Văn Sen, Lê Văn H, Lê Thị Thu H, Lê Thị T, Lê Văn C, Lê M T, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Công M, Lê Văn X, Đặng Thị Thu T để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư H, phường G, Tp. Q; Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T (đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình ông Lê C); Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q. Và yêu cầu cấp đất tái định cư tương ứng theo diện tích đất thu hồi.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Lê Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Ngày 09/6/2020 người khởi kiện là bà Lê Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện là bà T (bà T còn đại diện cho các con là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo và trình bày thêm rằng nếu Nhà nước thu hồi đất của các Ông Bà để xây dựng các công trình công cộng hoặc phục vụ mục đích an ninh quốc phòng thì các Ông Bà không có ý kiến nhưng thu hồi rồi giao cho Công ty H phân lô bán nền mà không cấp đất tái định cư cho các Ông Bà nên các Ông Bà không đồng ý, yêu cầu được cấp đất tái định cư.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ nhất ngày 23/9/2020 người khởi kiện vắng mặt, người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; phiên tòa hôm nay là phiên phúc thẩm mở lần thứ hai, người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người khởi kiện đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án.

[2] Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý vụ án hành chính và xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” là đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, khoản 3 và 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

Về nội dung:

[3] Nguồn gốc thửa đất mà bà T khiếu nại do cha mẹ của bà T là vợ chồng cụ Lê C sử dụng trồng hoa màu trước năm 1975. Bản đồ 299 của HTX nông nghiệp phường Q (cũ) và Bản đồ địa chính năm 2001 ghi là thửa 104, tờ bản đồ số 10, diện tích 933,7m², loại đất màu (BHK), chủ sử dụng là Lê C (bút lục 333). Năm 2012 đo đạc lại là thửa đất 104, tờ bản đồ số 10 diện tích 908,6m² (bl 262). Tại thời điểm kê khai năm 2013 để thực hiện thu hồi đất có 12 hộ kê khai (trong đó có bà T) cụ thể: Lê C (cha), Lê Thị T, Lê Văn S, Lê Văn H, Lê Thị Thu H, Lê Văn C, Lê M T, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Công M, Lê Văn X, Đặng Thị Thu T. Bà T cung cấp giấy tờ photo *Văn khế bán đất* ghi lập năm Bảo Đại nguyên niên, ngày 20 tháng 8, nội dung vợ chồng ông Trần Thịnh “*bán tuyệt mãi khoảnh ruộng đất ba sào ba*” cho vợ chồng ông Nguyễn Bá Đ (bl 213); *Giấy bán tuyệt mãi ruộng* không rõ ngày tháng năm, nội dung ông Nguyễn Bá Đ “*bán tuyệt mãi khoảnh ruộng*” cho vợ chồng ông Lê C (bl 211) và *Tờ di chúc lập cuối cùng* đề ngày 23/12/2004, nội dung vợ chồng ông Lê T1 và bà Lê Thị H trình bày “*Trước năm 1954 cha tôi là Lê T1, mẹ là Lê Thị H có mua một miếng đất 8 sào - 6m. Sau khi cha tôi chết mẹ tôi già yếu có di chúc lại cho 4 anh em tôi để sản xuất làm ăn. Nay vợ chồng tôi già yếu xin di chúc lại cho các con tôi là 12 thửa như trên...*” (bl 213), nhưng các tài liệu này không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trên đất không có cây cối, không có nhà ở là đất trống, giữa các hộ không có ranh giới sử dụng đất.

[4] Đối với khiếu nại của bà T cho rằng *Hồ sơ kỹ thuật thửa đất* lập năm 2001 ghi ký hiệu thửa đất của hộ gia đình bà T là loại đất (T) nhưng Quyết định thu hồi đất số 7595/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND thành phố Q lại ghi thu hồi đất nông nghiệp là không đúng thì Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Bản đồ 299 của Hợp tác xã nông nghiệp phường Q (cũ) và Bản đồ địa chính năm 2001 đều ghi là đất màu, nguồn gốc đất do ông bà của cụ Lê C trồng hoa màu

trước năm 1975 để lại cho cụ Lê C sử dụng. *Hồ sơ kỹ thuật thửa đất* không phải là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, nên không thể căn cứ ghi chú của cán bộ đo vẽ để xác định đây là đất Thổ (T); hơn nữa, trên đất không có cây lâu năm, không có nhà ở và công trình xây dựng khác nên Quyết định thu hồi đất số 7595/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND thành phố Q ghi thu hồi đất nông nghiệp là đúng.

[5] Dự án khu dân cư H được triển khai họp dân để công bố quy hoạch, chủ trương, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư vào ngày 08/6/2011 tại UBND phường G. Thời điểm triển khai dự án, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư áp dụng Luật đất đai năm 2003, Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật đất đai năm 2003 (tại khoản 1: Nhà nước sử dụng đất vào mục đích lợi ích công cộng, phát triển kinh tế) và tại Điều 36 Nghị định số 181/2004/ND-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ (tại điểm đ khoản 1: Sử dụng đất để chỉnh trang, phát triển khu đô thị và khu dân cư nông thôn). Tại thời điểm Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực, dự án vẫn tiếp tục thực hiện dở dang, Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013 yêu cầu phải có sự chấp nhận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Qua kiểm tra, dự án Khu dân cư H đã được chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 về danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa; dưới 20ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2015 trên địa bàn tỉnh. Kỳ họp hội đồng nhân dân tỉnh diễn ra vào thời điểm cuối năm, đồng thời dự án khu dân cư H thực hiện dở dang vẫn tiếp tục công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho đến nay, chuyển tiếp giữa Luật đất đai 2003 và Luật đất đai 2013 nên việc Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Nghị quyết số 28/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 (trong đó có danh mục dự án khu dân cư H) sau thời điểm UBND thành phố ban hành QĐ 7595 là hoàn toàn phù hợp. UBND tỉnh Bình Định căn cứ các quy định của Luật đất đai, tình hình quản lý, sử dụng đất nông nghiệp tại địa phương ban hành Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 và Văn bản số 4725/UBND-KT ngày 07/8/2018 quy định sẽ xem xét giao đất tái định cư cho những hộ có diện tích đất nông nghiệp, lâm nghiệp bị thu hồi với diện tích lớn từ 950m² trở lên, trong khi diện tích đất nông nghiệp gia đình bà T bị thu hồi theo đo đạc năm 2012 là 908,6m².

[6] Từ các luận điểm từ [3] đến [5] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy UBND thành phố Q khi thu hồi 908,6m² đất nông nghiệp gia đình bà T đang canh tác chỉ đền bù tiền, không cấp đất tái định cư là có cơ sở, đúng pháp luật, do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của hộ gia đình bà T yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất của UBND thành phố Q và các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định là đúng pháp luật (đúng quy định của Luật Đất đai; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; T1 tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Luật tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003; Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015). Vì các lẽ trên, cấp phúc thẩm bác kháng

cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm; bà T kháng cáo không được chấp nhận
lẽ ra phải chịu án phí phúc thẩm nhưng vì là người cao tuổi nên được miễn;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 xử bác kháng cáo của bà Lê Thị T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2020/HC-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, cụ thể:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 157, 158, khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; T1 tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình khu dân cư H, phường G, thành phố Q (Đợt 18) được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thông qua ngày 25/7/2014; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại năm 2011; T1 tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; T1 tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của T1 tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013. Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7595/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ ông, bà C: Lê C, các con Lê Văn S, Lê Văn H, Lê Thị Thu H, Lê Thị T, Lê Văn C, Lê M T, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Công M, Lê Văn X, Đặng Thị Thu T để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư H, Tp. Q; Quyết định số 4178/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND thành phố Q về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 7595/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND thành phố Q; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông, bà C: Lê C, các con Lê Văn S, Lê Văn H, Lê Thị Thu H, Lê Thị T, Lê Văn C, Lê M T, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Công M, Lê Văn X, Đặng Thị Thu T để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư H, phường G, Tp. Q; Quyết định số 4519/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông, bà C: Lê C, các con Lê Văn Sen, Lê Văn H, Lê Thị Thu H, Lê Thị T, Lê Văn C, Lê M T, Lê Thị C, Lê Văn T, Lê Công M, Lê Văn X, Đặng Thị Thu T để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư H, phường G, Tp.Q; Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày

15/1 1/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T (đại diện theo ủy quyền của hộ gia đình ông Lê C); Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q và yêu cầu cấp đất tái định cư tương ứng theo diện tích đất thu hồi.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Lê Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ Luật người cao tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà T.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân